

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC**
Số : 6964/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Quốc, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách huyện
năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội
đồng Nhân dân huyện Phú Quốc về điều chỉnh dự toán chi ngân sách huyện
năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban
nhân dân huyện Phú Quốc về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách huyện năm
2020;*

*Xét Tờ trình số 505/TTr-TCKH ngày 21/12/2020 của Phòng Tài chính –
Kế hoạch huyện Phú Quốc về việc công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán
chi ngân sách huyện năm 2020,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách huyện năm 2020 của huyện Phú Quốc. (Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP. Huyện ủy;
- VP. HĐND-UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 6964/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Phú Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HĐND HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN CHI NĂM 2020 ĐIỀU CHỈNH GIỮA NĂM	DỰ TOÁN CHI NĂM 2020 ĐIỀU CHỈNH CUỐI NĂM	SO SÁNH	
					Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5-4	7 = 5/4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B+C)	1.552.472	2.850.151	1.916.552	(933.599)	67,24
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+ II+...+V)	1.552.472	2.850.151	1.894.672	(955.479)	66,48
I	Chi đầu tư phát triển	640.915	1.952.701	1.067.507	(885.194)	54,67
1	Chi XD CB vốn tỉnh phân cấp (TWMT+tỉnh)	-	143.100	59.802	(83.298)	41,79
1.1	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	-	88.577	18.808	(69.769)	21,23
1.2	Nguồn vốn Cân đối ngân sách địa phương	-	39.088	32.304	(6.784)	82,64
1.3	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết	-	3.982	1.244	(2.738)	31,24
1.4	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM	-	11.453	7.446	(4.007)	65,01
2	Chi XD CB vốn huyện	640.915	1.489.609	687.713	(801.896)	46,17
2.1	Nguồn vốn nguồn thu sử dụng đất (60% huyện hưởng)	300.000	300.000	300.000	-	
2.2	Ghi thu ghi chi	300.000	1.178.464	377.000	(801.464)	31,99
2.3	Nguồn tăng thu	25.270	11.145	10.713	(432)	
2.4	Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện bổ sung	15.645	-	-	-	
3	Vốn kéo dài thời gian thực hiện năm 2019 sang năm 2020	-	114.419	114.419	-	
3.1	Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	-	273	273	-	

S T T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HĐND HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN CHI NĂM 2020 ĐIỀU CHỈNH GIỮA NĂM	DỰ TOÁN CHI NĂM 2020 ĐIỀU CHỈNH CUỐI NĂM	SO SÁNH	
					Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5-4	7 = 5/4
3.2	Vốn Cân đối ngân sách địa phương	-	643	643	-	
3.3	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	-	1.290	1.290	-	
3.4	Vốn Xổ số kiến thiết	-	5.264	5.264	-	
4.5	Nguồn vốn nguồn thu sử dụng đất (40% nộp NS tỉnh)	-	10.410	10.410	-	
3.6	Ngân sách huyện	-	95.738	95.738	-	
3.7	Nguồn vốn huy động		801	801	-	
4	Chuyển nguồn XDCB của các năm trước (số dư tạm ứng)	-	205.573	205.573	-	
4.1	Vốn tỉnh và Trung ương	-	93.770	93.770	-	
4.2	Ngân sách huyện	-	111.803	111.803	-	
II	Chi thường xuyên (1+2+...+14)	714.317	658.692	636.162	(22.530)	96,58
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	303.687	285.464	293.642	8.178	102,86
2	Chi Sự nghiệp khoa học công nghệ	-	100	100	-	
3	Chi trợ giá, trợ cước	12.500	12.500	10.000	(2.500)	80,00
4	Chi Sự nghiệp, môi trường, du lịch	70.000	39.075	39.075	-	
5	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	211.187	181.033	179.786	(1.247)	99,31
6	Chi SN y tế, dân số và gia đình	41.017	47.085	26.873	(20.212)	57,07
7	Chi SN văn hóa thông tin	5.757	5.027	4.848	(179)	96,44
8	Chi SN thể dục thể thao:	384	384	384	-	

S T T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HĐND HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN CHI NĂM 2020 ĐIỀU CHỈNH GIỮA NĂM	DỰ TOÁN CHI NĂM 2020 ĐIỀU CHỈNH CUỐI NĂM	SO SÁNH	
					Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5-4	7 = 5/4
9	Chi SN phát thanh, truyền hình	3.291	3.262	3.262	-	
10	Chi SN Đảm bảo Xã hội	1.230	13.409	13.409	-	
11	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	54.710	55.820	48.904	(6.916)	87,61
12	Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	3.640	5.119	3.640	(1.479)	71,11
13	Chi khác	6.914	10.414	10.414	-	
14	Chi hoàn trả các khoản thu năm trước	-	-	1.825	1.825	
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	146.766	181.119	133.364	(47.755)	73,63
IV	Chi khen thưởng	2.000	2.000	2.000	-	
V	Chi dự phòng :	8.833	8.833	8.833	-	
VI	Chi trợ cấp NS xã	39.641	46.806	46.806	-	
B	Chi chương trình mục tiêu	-	-	21.880	21.880	